

Phụ lục III

DANH SÁCH CÔNG DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GỌI SƠ TUYỂN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
1	Phạm Tự Lãm	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Đếp, 1976, Nông	
	Phạm Tự Lãm		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Đeo, 1982, Nông	
	08/10/2001			Hrê	Đoàn		
	051201008322			Không			
2	Phạm Văn Súa	Nông	Ba Ha, Ba Xa	Nông	9/12	Con ngoài giá thú	
	Phạm Văn Súa		Ba Ha, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Nếp, 1978, Nông	
	10/9/2001			Hrê	Đoàn		
	051201007362			Không			
3	Phạm Minh Khuê	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	Đại học	Phạm Minh Vĩ, 1976, Nông	
	Phạm Minh Khuê		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Ngô Thị Hạnh, 1981, Nông	
	21/02/2001			Kinh	Đoàn		
	051201009046			Không			
4	Phạm Tấn Thành	Nông	Ba Ha, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Bảo, 1971, Nông	
	Phạm Tấn Thành		Ba Ha, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Nguyễn Thị Châu, 1972, Nông	
	08/8/2001			Kinh	Đoàn		
	051201007567			Không			
5	Phạm Văn Hun	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Sui, 1980, Nông	
	Phạm Văn Hun		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thương, 1984, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
5	24/3/2001			Hrê			
	051201008123			Không			
6	Phạm Văn Sai	Nông	Nước Lãng, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Trinh, 1986, Nông	
	Phạm Văn Sai		Nước Lãng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Trát, 1985, Nông	
	28/5/2002			Hrê			
	051202003065			Không			
7	Phạm Văn Cốt	Nông	Gòi Hrê, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Nanh, 1957	
	Phạm Văn Cốt		Gòi Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Chuyên	
	18/6/2002			Hrê			
	051202011098			Không			
8	Huỳnh Anh Kiệt	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	12/12	Huỳnh Mùi, 1967, Nông	
	Huỳnh Anh Kiệt		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Huỳnh Thị Tám, 1966, Nông	
	02/03/2002			Kinh	Đoàn		
	051202011953			Không			
9	Phạm Văn Sura	Nông	Nước Lãng, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn The, 1980, Nông	
	Phạm Văn Sura		Nước Lãng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thế, 1987, Nông	
	15/4/2003			Hrê			
	051203008736			Không			
10	Phạm Văn Miên	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Oá, 1976, Nông	
	Phạm Văn Miên		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Hoa, 1980, Nông	
	21/5/2003			Hrê			
	051203013678			Tin lành			
11	Phạm Văn Báo	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Thíp, 1982, Nông	
	Phạm Văn Báo		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Ề, 1987, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
11	24/10/2003			Hrê		Phạm Thị Thiêu, 2005, Nông	
	051203002900			Không			
12	Nguyễn Đức Chiến	Nông	Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	12/12	Nguyễn Đức Thắng, 1971, Nông	
	Nguyễn Đức Chiến		Nước Như, Ba Xa	Tự lập	Không	Võ Thị Mười, 1973, Nông	
	10/7/2003			Kinh	Đoàn		
	051203000821			Không			
13	Phạm Văn Diên	Nông	Ba Ha, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Thá, 1978, Nông	
	Phạm Văn Diên		Ba Ha, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Vò, 1982, Nông	
	19/02/2003			Hrê	Đoàn		
	051203011051			Không			
14	Phạm Văn Chương	Nông	Gòi Hrê, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Xea, 1985, Nông	
	Phạm Văn Chương		Gòi Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Lứ, 1986, Nông	
	08/02/2004			Hrê			
	051204004105			Không			
15	Phạm Gia Kiệt	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Nét, 1982, Nông	
	Phạm Gia Kiệt		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Đên, 1985, Nông	
	20/7/2004			Hrê			
	051204002003			Không			
16	Phạm Văn Bình	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Thư, 1977, Nông	
	Phạm Văn Bình		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Khẻo, 1978, Nông	
	17/03/2004			Hrê			
	051204007242			Không			
17	Phạm Văn Trập	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Mác, 1975, Nông	
	Phạm Văn Trập		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thê, 1980, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
17	22/6/2004			Hrê			
	051204010683			Không			
18	Phạm Văn Điện	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Xun, 1982, Nông	
	Phạm Văn Điện		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thân, 1987, Nông	
	17/9/2004			Hrê	Đoàn		
	051204006625			Không			
19	Đinh Văn Nhon	Nông	Sơn Mai, Quảng Ngãi	Nông	9/12	Đinh Văn Phây	
	Đinh Văn Nhon		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Đinh Thị Tây	
	19/11/2004			Hrê		Phan Thuỳ Trang, 2005, Nông	
	051204008090			Không			
20	Phạm Văn Séo	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Biên ©	
	Phạm Văn Séo		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Tiêm, 1978, Nông	
	27/01/2005			Hrê	Đoàn		
	051205011923			Không			
21	Phạm Văn Theo	Nông	Nước Lăng, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Bút, 1982, Nông	
	Phạm Văn Theo		Nước Lăng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Xa Rói, 1985, Nông	
	03/02/2005			Hrê	Đoàn		
	051205011742			Không			
22	Phạm Văn Thế	Nông	Gòi Hrê, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Trường, 1976, Nông	
	Phạm Văn Thế		Gòi Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Nhía, 1979, Nông	
	24/5/2005			Hrê	Đoàn		
	051205007141			Không			
23	Phạm Văn Lênh	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Thược, 1983, Nông	
	Phạm Văn Lênh		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Cốp, 1986, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
23	14/8/2005			Hrê			
	051205001701			Không			
24	Phạm Văn Trâm	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Đình, 1981, Nông	
	Phạm Văn Trâm		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thoá, 1983, Nông	
	02/5/2005			Hrê	Đoàn		
	051205010555			Không			
25	Phạm Văn Siêu	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Buốc, 1987, Nông	
	Phạm Văn Siêu		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Doan, 1988, Nông	
	19/02/2005			Hrê			
	051205001692			Không			
26	Phạm Văn Linh	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Sơn, 1985, Nông	
	Phạm Văn Linh		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Lót, 1986, Nông	
	06/5/2005			Hrê			
	051206011556			Không			
27	Phạm Văn Thư	Nông	Nước Lăng, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Thối, 1983, Nông	
	Phạm Văn Thư		Nước Lăng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Trinh, 1985, Nông	
	11/02/2005			Hrê			
	051205013877			Không			
28	Phạm Thanh Quân	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	12/12	Con ngoài giả thú	
	Phạm Thanh Quân		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thi, 1986, Nông	
	01/8/2005			Hrê	Đảng		
	051205011938			Không			
	Phạm Văn Hạ	Nông	Nước Chạch, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Trôi, 1983, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
29	Phạm Văn Hạ		Nước Chạch, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thay, 1986, Nông	
	01/01/2006			Hrê	Đoàn		
	051206014207			Không			
30	Phạm Trung Du	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Linh, 1989, Nông	
	Phạm Trung Du		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thái, 1987, Nông	
	20/6/2006			Hrê			
	051206010987			Không			
31	Đình Trường Giang	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	12/12	Đình Tiến Thanh, 1989, Nông	
	Đình Trường Giang		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thiếp, 1988, Nông	
	01/03/2006			Hrê	Đoàn		
	051206006132			Không			
32	Phạm Văn Lành	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	11/12	Phạm Văn Bi, 1985, Nông	
	Phạm Văn Lành		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Roát, 1987, Nông	
	20/6/2006			Hrê			
	051206005465			Không			
33	Phạm Văn Kiện	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Nét, 1982, Nông	
	Phạm Văn Kiện		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Đên, 1985, Nông	
	14/10/2006			Hrê			
	051206001574			Không			
34	Trần Duy Lâm	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	9/12	Trần Sơn, 1972, Nông	
	Trần Duy Lâm		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Trần Lệ Thu, 1972, Giáo viên	
	30/7/2006			Kinh			
	051206003100			Không			
	Phạm Văn Danh	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn U', 1985, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
35	Phạm Văn Danh		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Hía, 1982, Nông	
	21/8/2006			Hrê	Đoàn		
	051206012893			Không			
36	Phạm Văn Vi	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Ruốc, 1984, Nông	
	Phạm Văn Vi		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Súc, 1984, Nông	
	13/11/2006			Hrê			
	051206005315			Không			
37	Phạm Văn Tiếp	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Trúc, 1972, Nông	
	Phạm Văn Tiếp		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Trên, 1972, Nông	
	01/11/2006			Hrê			
	051206014206			Không			
38	Phạm Văn Chân	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Xom ©	
	Phạm Văn Chân		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị In, 1989, Nông	
	30/12/2006			Hrê			
	051206010347			Không			
39	Phạm Văn Sơm	Nông	Nước Lăng, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Dê, 1980, Nông	
	Phạm Văn Sơm		Nước Lăng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Ma, 1980, Nông	
	30/7/2006			Hrê			
	051206009094			Không			
40	Phạm Văn Hải	Nông	Ba Ha, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Thun, 1988, Nông	
	Phạm Văn Hải		Ba Ha, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Cúc, 1986, Nông	
	09/11/2006			Hrê			
	051206012429			Không			
	Phạm Văn Huy	Nông	Gòi Hrê, Ba Xa	Nông	10	Phạm Văn Phúc, 1985, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
41	Phạm Văn Huy		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Chiếc, 1986, Nông	
	06/03/2006			Hrê			
	051206004914			Không			
42	Phạm Văn Khuya	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Lên	
	Phạm Văn Khuya		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Na, 1986, Nông	
	10/02/2006			Hrê			
	052106013935			Không			
43	Phạm Văn Vinh	Nông	Ba Ha, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Thọ, 1978, Nông	
	Phạm Văn Vinh		Ba Ha, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thao, 1982, Nông	
	01/01/2007			Hrê	Đoàn		
	051207010525			Không			
44	Phạm Văn Phong	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Sĩ, 1985, Nông	
	Phạm Văn Phong		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Nờ, 1991, Nông	
	01/02/2007			Hrê	Đoàn		
	051207008975			Không			
45	Phạm Văn Hý	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Deo, 1984, Nông	
	Phạm Văn Hý		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Mừng, 1989, Nông	
	10/7/2007			Hrê			
	051207013851			Không			
46	Phạm Đình Rừng	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Phỉ, 1982, Nông	
	Phạm Đình Rừng		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Đu, 1989, Nông	
	14/03/2007			Hrê			
	051207017643			Không			
	Phạm Văn Khanh	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Ly, 1985, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
47	Phạm Văn Khanh		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Chi, 1988, Nông	
	20/8/2007			Hrê	Đoàn		
	051207012290			Không			
48	Phạm Văn Khú	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Dách, 1989, Nông	
	Phạm Văn Khú		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thúc, 1988, Nông	
	30/12/2007			Hrê			
	051207016352			Không			
49	Phạm Văn Huê	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Ồi, 1989, Nông	
	Phạm Văn Huê		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Phía, 1987, Nông	
	04/03/2007			Hrê			
	051207008966			Không			
50	Phạm Quốc Tuấn	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Thuận, 1981, Nông	
	Phạm Quốc Tuấn		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Trương Thị Toán, 1983, Nông	
	15/02/2007			Kinh	Đoàn		
	051207014803			Không			
51	Phạm Văn Sợi	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Hơ, 1987, Nông	
	Phạm Văn Sợi		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Riêu, 1986, Nông	
	30/10/2007			Hrê	Đoàn		
	051207010436			Không			
52	Phạm Văn Duy	Nông	Gòì Hrê, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Xôm, 1980, Nông	
	Phạm Văn Duy		Gòì Hrê, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thấp, 1985, Nông	
	15/03/2007			Hrê			
	051207022317			Không			
	Phạm Văn Ho	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Hoạt, 1989, Nông	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
53	Phạm Văn Ho		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thiên, 1990, Nông	
	23/6/2007			Hrê			
	051207013272			Không			
54	Lê Ngọc Thiện	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	12/12	Lê Văn Quang, 1972, Nông	
	Lê Ngọc Thiện		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Nguyễn Thị Chung, 1972, Nông	
	23/11/2007			Kinh	Đoàn		
	036207013011			Không			
55	Phạm Văn Thiết	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Dung, 1983, Nông	
	Phạm Văn Thiết		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Âm, 1986, Nông	
	15/11/2007			Hrê			
	051207018704			Không			
56	Phạm Văn Le	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Líp, 1984, Nông	
	Phạm Văn Le		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Kề, 1985, Nông	
	01/9/2007			Hrê			
	051207015941			Không			
57	Phạm Viện Quang	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Trốt, 1983, Nông	
	Phạm Viện Quang		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Viều, 1988, Nông	
	11/12/2007			Hrê			
	051207020313			Không			
58	Phạm Văn Kiên	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Vi, 1985, Nông	
	Phạm Văn Kiên		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Rim, 1985, Nông	
	08/7/2007			Hrê			
	051207017519			Không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
59	Phạm Văn Liễu	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Dai, 1975, Nông	
	Phạm Văn Liễu		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Son, 1978, Nông	
	03/4/2007			Hrê			
	051207008980			Không			
60	Phạm Văn Loan	Nông	Nước Như, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Suất, 1975, Nông	
	Phạm Văn Loan		Nước Như, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Pa Ly, 1979, Nông	
	02/5/2007			Hrê			
	051207012516			Không			
61	Phạm Văn Hí	Nông	Nước Chạch, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Thín, 1976, Nông	
	Phạm Văn Hí		Nước Chạch, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Dênh, 1981, Nông	
	01/9/2007			Hrê			
	051207014558			Không			
62	Phạm Văn Sế	Nông	Nước Chạch, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Quyên, 1979, Nông	
	Phạm Văn Sế		Nước Chạch, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thương, 1982, Nông	
	21/03/2007			Hrê			
	051207008968			Không			
63	Phạm Văn Tiến	Nông	Ba Ha, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Quyếu, 1973, Nông	
	Phạm Văn Tiến		Ba Ha, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Điêm, 1980, Nông	
	10/6/2007			Hrê			
	051207013068			Không			
64	Phạm Văn Lý	Nông	Nước Lăng, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Bó, 1985, Nông	
	Phạm Văn Lý		Nước Lăng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thơm, 1987, Nông	
	20/10/2007			Hrê			
	051207015417			Không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
65	Phạm Văn Bềnh	Nông	Nước Lãng, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Quảng, 1974, Nông	
	Phạm Văn Bềnh		Nước Lãng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Nhít, 1975, Nông	
	10/03/2007			Hrê			
	051207015606			Không			
66	Phạm Đình Sú	Nông	Nước Lãng, Ba Xa	Nông	8/12	Phạm Văn Xĩa, 1982, Nông	
	Phạm Đình Sú		Nước Lãng, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Trái, 1985, Nông	
	13/02/2007			Hrê			
	051207014135			Không			
67	Phạm Văn Dũ	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	9/12	Phạm Văn Thuốc ©	
	Phạm Văn Dũ		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Tru, 1983, Nông	
	09/11/2007			Hrê			
	051207022376			Không			
68	Phạm Minh Nguyệt	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Cua, 1980, Nông	
	Phạm Minh Nguyệt		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Hoi, 1985, Nông	
	22/4/2007			Hrê	Đoàn		
	051207010370			Không			
69	Phạm Quốc Danh	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Ất, 1988, CBCC xã	
	Phạm Quốc Danh		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Đêm, 1990, Nông	
	30/7/2007			Hrê	Đoàn		
	051207022381			Không			
70	Phạm Văn Quảng	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	11/12	Phạm Văn Tui, 1990, Nông	
	Phạm Văn Quảng		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Thời, 1991, Nông	
	24/5/2007			Hrê			
	051207015216			Không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân	- Thành phần gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần bản thân	- Ngoại ngữ	- Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	- Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	- Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ căn cước/CCCD						
71	Phạm Văn Vương	Nông	Mang Mu, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Xít, 1990, Nông	
	Phạm Văn Vương		Mang Mu, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị O, 1989, Nông	
	20/4/2007			Hrê	Đoàn		
	051207013722			Không			
72	Phạm Văn Bềnh	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	12/12	Phạm Văn Tri, 1972, Nông	
	Phạm Văn Bềnh		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Ky, 1978, Nông	
	23/01/2008			Hrê	Đoàn		
	051208009417			Không			
73	Phạm Văn Cấp	Nông	Mang Krá, Ba Xa	Nông	10/12	Phạm Văn Nhó, 1987, Nông	
	Phạm Văn Cấp		Mang Krá, Ba Xa	Phụ thuộc	Không	Phạm Thị Bi, 1988, Nông	
	09/01/2008			Hrê			
	051208004760			Không			